

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 63/1998/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 1998

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số quy định về thuế nhằm khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Nghị định số 10/1998-NĐ-CP

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12/11/1996;

Căn cứ Nghị định số 10/1998-NĐ-CP ngày 23/1/1998 của Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số quy định về thuế nhằm khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam như sau:

A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Các đối tượng được áp dụng quy định về thuế hướng dẫn tại Thông tư này bao gồm:

Các doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài được thành lập theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Các bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khác được thành lập trên cơ sở Hiệp định được ký kết giữa Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước ngoài. Trường hợp trong Hiệp định có các quy định khác về thuế thì thực hiện theo các quy định của Hiệp định đó.

Các đối tượng nêu trên đây gọi là Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

B. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN LỢI NHÀ ĐẦU TƯ

I. THUẾ LỢI TỨC

1. Thuế suất thuế lợi tức:

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 23/11/1996 nộp thuế lợi tức theo quy định tại Giấy phép đầu tư. Trường hợp thuế suất thuế lợi tức quy định tại các văn bản mới ban hành của Chính phủ Việt Nam thấp hơn thuế suất thuế lợi tức quy định tại Giấy phép đầu tư thì việc đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư về thuế suất thuế lợi tức được thực hiện như sau:

Cơ quan cấp giấy phép đầu tư thực hiện điều chỉnh thuế suất thuế lợi tức cho các doanh nghiệp theo quy định mới trong các trường hợp sau:

Doanh nghiệp thuộc dự án đảm bảo đủ hai điều kiện: dự án thuộc danh mục dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư và thuộc danh mục địa bàn khuyến khích đầu tư theo quy định tại Phụ lục 1 Nghị định 10/1998/NĐ-CP ngày 23/1/1998 của Chính phủ được áp dụng thuế suất thuế lợi tức ưu đãi trong suốt thời gian hoạt động còn lại của dự án.

Các doanh nghiệp đầu tư vào các địa bàn mà sau đó các địa bàn này được chuyển thành Khu công nghiệp, Khu chế xuất hoặc khu công nghệ cao được áp dụng các ưu đãi về thuế lợi tức theo quy định tại Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997 của Chính phủ.

Các doanh nghiệp đang trong thời hạn được hưởng thuế suất ưu đãi theo quy định tại Giấy phép đầu tư nhưng thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi theo quy định mới dài hơn so với thời hạn áp dụng quy định tại Giấy phép đầu tư.

Các doanh nghiệp không thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế suất thuế lợi tức theo Giấy phép đầu tư nhưng trong thực tế đảm bảo được các điều kiện được hưởng thuế suất thuế lợi tức ưu đãi theo quy định mới.

Các doanh nghiệp kể trên chỉ được cơ quan cấp giấy phép đầu tư điều chỉnh thuế suất thuế lợi tức nếu các doanh nghiệp thỏa mãn hai điều kiện:

Doanh nghiệp đang trong thời hạn được hưởng thuế suất thuế lợi tức ưu đãi theo quy định mới.

Doanh nghiệp đảm bảo đủ điều kiện được hưởng thuế suất thuế lợi tức ưu đãi theo quy định mới.

1.3. Thuế suất thuế lợi tức ưu đãi theo quy định mới thực hiện từ năm tài chính giấy phép điều chỉnh có hiệu lực.

1.4. Trường hợp doanh nghiệp được điều chỉnh thuế suất thuế lợi tức ưu đãi theo quy định mới do đảm bảo điều kiện: Sử dụng lao động hoặc tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm nhưng sau thời điểm điều chỉnh thuế suất thuế lợi tức ưu đãi, doanh nghiệp không thực hiện được điều kiện hưởng thuế suất thuế lợi tức ưu đãi thì thuế suất thuế lợi tức ưu đãi chỉ được áp dụng đối với các năm tài chính doanh nghiệp thực hiện được điều kiện hưởng thuế suất thuế lợi tức ưu đãi. Hàng năm, doanh nghiệp phải báo cáo với cơ quan cấp giấy phép đầu tư và cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp về tình hình thực hiện các chỉ tiêu trên và kê khai nộp thuế lợi tức theo thuế suất phù hợp với điều kiện doanh nghiệp đạt được. Cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp kiểm tra xác định mức độ thực hiện các chỉ tiêu trên và xác định mức thuế lợi tức phải nộp hàng năm của từng doanh nghiệp.

Ví dụ: Doanh nghiệp A được cấp Giấy phép đầu tư năm 1994 và bắt đầu sản xuất kinh doanh trong năm 1996. Theo Giấy phép đầu tư doanh nghiệp được hưởng thuế suất thuế lợi tức là 20% trong thời gian 5 năm kể từ năm tiếp theo năm được cấp Giấy phép đầu tư.

Gải sử năm 1998 doanh nghiệp xuất khẩu 80% sản phẩm tiêu thụ, theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 12/CP thì doanh nghiệp được nộp thuế lợi tức với thuế suất 15%. Năm 1998 doanh nghiệp được cơ quan cấp giấy phép điều chỉnh thuế suất thuế lợi tức là 15%. Thời gian áp dụng thuế suất thuế lợi tức 15% là 12 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu từ năm 1998 trở đi, hàng năm doanh nghiệp đều đạt tỷ lệ xuất khẩu 80% thì doanh nghiệp sẽ được nộp thuế lợi tức theo thuế suất 15% đến hết năm 2007 (12 năm kể từ năm 1996). Trường hợp, từ năm 1998 đến năm 2007 có năm doanh nghiệp chỉ đạt tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm từ 50% đến dưới 80% thì năm đó doanh nghiệp kê khai nộp thuế lợi tức theo thuế suất 20%; hoặc có năm doanh nghiệp chỉ đạt tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu 30% chưa đủ điều kiện được áp dụng thuế suất thuế lợi tức ưu đãi thì năm đó doanh nghiệp kê khai nộp thuế lợi tức theo thuế suất 25%.

Trường hợp các quy định về thuế suất thuế lợi tức tại quy định mới bất lợi hơn cho doanh nghiệp thì các doanh nghiệp được tiếp tục áp dụng thuế suất thuế lợi tức đã quy định tại Giấy phép đầu tư.

2. Miễn, giảm thuế lợi tức.

Các doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi miễn, giảm thuế lợi tức theo Giấy phép đầu tư. Trường hợp các ưu đãi về miễn, giảm thuế lợi tức quy định tại quy định mới thuận lợi hơn các ưu đãi đã được quy định tại Giấy phép đầu tư thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi theo quy định mới nếu:

Doanh nghiệp đang trong thời gian được miễn giảm thuế lợi tức theo Giấy phép đã cấp. Đối với các doanh nghiệp Giấy phép đầu tư đã cấp không được miễn, giảm thuế lợi tức thì doanh nghiệp chỉ được miễn giảm thuế lợi tức theo quy định mới nếu trước đó doanh nghiệp kinh doanh chưa có lợi tức.

Tại thời điểm xin điều chỉnh về thời hạn miễn giảm thuế lợi tức các doanh nghiệp phải có đủ các điều kiện để được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế theo quy định mới.

Các ưu đãi miễn, giảm thuế lợi tức theo quy định mới được bắt đầu thực hiện từ năm tài chính giấy phép điều chỉnh có hiệu lực.

3. Thủ tục điều chỉnh thuế suất thuế lợi tức và ưu đãi miễn giảm thuế lợi tức:

Các doanh nghiệp thuộc đối tượng được điều chỉnh thuế suất thuế lợi tức và đối tượng được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế theo quy định trên đây phải có công văn gửi cơ quan cấp Giấy phép đầu tư trong đó nêu rõ lý do xin điều chỉnh thuế suất và ưu đãi miễn giảm thuế lợi tức, mức thuế suất xin điều chỉnh và tình hình thực hiện các chỉ tiêu làm căn cứ xin hưởng ưu đãi theo quy định mới của năm trước và năm báo cáo tính đến thời điểm doanh nghiệp xin điều chỉnh. Cơ quan cấp Giấy phép đầu tư sẽ cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp.

Trường hợp trong 3 năm liên tục doanh nghiệp không đảm bảo các điều kiện để được hưởng các ưu đãi về thuế lợi tức và thời hạn miễn giảm thuế lợi tức quy định tại Giấy phép đầu tư (kể cả Giấy phép điều chỉnh), doanh nghiệp phải báo cáo với cơ quan cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đầu tư cho phù hợp.

II. THUẾ CHUYỂN LỢI NHUẬN RA NƯỚC NGOÀI

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được hưởng các quy định ưu đãi hơn về thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài đối với các khoản lợi nhuận chuyển ra nước ngoài kể từ ngày có quyết định điều chỉnh Giấy phép đầu tư của cơ quan cấp Giấy phép đầu tư.

III. THUẾ NHẬP KHẨU:

1. Thủ tục miễn thuế nhập khẩu: